

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NÓI 4**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Nói 4

2. Mã học phần: NNTQ028

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên Đại học năm thứ 2 (Kỳ 4)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nói 3

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966518898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
3	TS. Nguyễn Xuân Giang	0912779326	nxgiang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần:

Tài liệu học tập Nói 4 gồm 10 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 4 phần: Bài khóa, từ mới, chú thích và luyện tập. Nội dung có tính thực tiễn cao với những chủ đề có liên quan đến cuộc sống thường ngày. Thông qua những bài khóa theo chủ đề khác nhau trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách phát âm, từ và cấu trúc trọng điểm, cách biểu đạt câu ở trình độ trung cấp để ứng dụng trực tiếp trong giao tiếp tiếng Trung Quốc cơ bản như: sự khác biệt về văn hóa, mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái, mối quan hệ với hàng xóm, mối quan hệ vợ chồng... và giúp người học mở rộng vốn từ vựng, rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghe và nói thông qua các dạng bài khác nhau, các chủ đề nói liên quan đến đời sống, văn hóa, phong tục tập quán của Trung Quốc, qua đó giúp hình thành phản xạ giao tiếp, khả năng thuyết trình, thảo luận bằng tiếng Trung chuẩn mực ở trình độ trung cấp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu nghĩa, phát âm và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề như: Văn hóa, đời sống gia đình và xã hội, phong tục tập quán của người Trung Quốc,...	2	[1.2.1.2. a]
MT1.2	Vận dụng đúng cấu trúc câu để diễn đạt ý kiến của bản thân khi muốn tranh luận về các chủ đề có liên quan trong bài học.	3	[1.2.1.2. b]
MT1.3	Diễn đạt được bằng tiếng Trung quan điểm của mình về một vấn đề đưa ra bàn luận trong bài.	4	[1.2.1.2. a]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe hiểu các đoạn hội thoại và các đoạn phỏng vấn về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài học như: Văn hóa, đời sống gia đình và xã hội, phong tục tập quán của người Trung Quốc,...	3	[1.2.2.2]
MT2.2	Thuyết trình bằng tiếng Trung về vấn đề liên quan đến chủ đề trong bài học như: Văn hóa, đời sống gia đình và xã hội, phong tục tập quán của người Trung Quốc,...	3	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Hiểu và diễn giải được những từ, cụm từ, mẫu câu trọng điểm trong hoạt động giao tiếp thực tiễn.	3	[2.1.4]
CDR1.2	Tổng hợp và vận dụng những mẫu câu đã học trong học phần để trình bày quan điểm cá nhân về những vấn đề liên quan đến gia đình, văn hóa,...	4	[2.1.4]
CDR1.3	Vận dụng chính xác những mẫu câu trọng điểm trong khẩu ngữ để tiến hành nâng cao hiệu quả giao tiếp tiếng Trung Quốc ở trình độ trung cấp.	3	[2.1.5]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Thực hành nghe - nói, nắm bắt các từ, cụm từ trọng điểm để làm các bài tập phân đoán đúng sai, chọn đáp án đúng,... ở trình độ trung cấp.	3	[2.2.1]
CDR2.2	Hình thành kỹ năng dẫn dắt, truyền đạt, phản biện những vấn đề liên quan trong giao tiếp tiếng Trung Quốc ở trình độ trung cấp.	3	[2.2.1]
CDR2.3	Phát triển kỹ năng giao tiếp ở trình độ trung cấp.	3	[2.2.2]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Xác định được thái độ đúng đắn tích cực, chủ động, tự tin và tinh thần trách nhiệm trong học tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Tuân thủ theo văn hoá giao tiếp của người nói tiếng Trung Quốc trong thực hành kỹ năng nói.	3	[2.3.3]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học hoặc nhiệm vụ được giao.	3	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần								
		CDR1			CDR2			CDR3		
		CDR1.1	CDR1.2	CD1.3	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3
1	第一课 不同的文化	3	3	3	3	3	3	3	3	3
2	第二课 父母与子女	3	3	3	3	3	3	3	3	3
3	第三课 让孩子吃苦	3	3	3	3	3	3	3	3	3
4	第四课 邻里的关系	3	3	3	3	3	3	3	3	3
5	第五课 夫妻之间	3	3	3	3	3	3	3	3	3
6	第六课 家庭服务员	3	3	3	3	3	3	3	3	3
7	第七课 烟与酒	3	3	3	3	3	3	3	3	3
8	第八课 尊重生命	3	3	3	3	3	3	3	3	3
9	第九课 让我们关注生活质量	3	3	4	3	4	3	3	4	4
10	第十课 网络给我们带来了什么	3	4	4	3	4	3	3	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá chuyên cần. - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá khả năng tư duy, sáng tạo.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Vấn đáp (5 phút/sv)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm kiểm tra kết thúc học phần	1 điểm	50%	Vấn đáp (7 phút/sv)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập: điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính:

[1] - Mã Tiến Phi (2005), *Giáo trình nói Hán ngữ cấp tốc* – Quyển trung cấp, NXB Đại học Văn hóa và ngôn ngữ Bắc Kinh

Tài liệu tham khảo:

[2] - Chương Kỳ Hiếu chủ biên (1997), *Khẩu ngữ tiếng Hán cao cấp*, NXB Đại học văn hóa ngôn ngữ Bắc Kinh

[3] - Triệu Diên Phong (2014), *Giáo trình luyện thi HSKK Trung cấp cấp tốc*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

14. Nội dung chi tiết học phần

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>第一课 不同的文化</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa, nhớ và vận dụng đúng các từ, cụm từ và cụm từ cố định trong bài như: 反而、随着、喜怒哀乐、一清二楚、过得去、怪不得...，原来、各付各的账... - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung. - So sánh điểm giống và khác nhau của văn hóa Trung Quốc, Mỹ và Việt Nam. - Nắm bắt và vận dụng cách trình bày một đoạn văn ngắn rõ ràng, mạch lạc theo các bước: (1) 提出问题; 	3 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, hoạt động nhóm.</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp những tư liệu tranh ảnh, video liên quan đến văn hóa Trung Quốc, Mỹ, Việt Nam trước giờ lên lớp cho sinh viên. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Hướng dẫn một số mẫu câu trọng điểm trong bài. + Tiến hành phân nhóm thuyết trình và thảo luận 2 chủ đề: (1) 中美文化异同; (2) 中越文化异同. + Nhận xét và hướng dẫn sinh viên trình bày một đoạn văn ngắn theo các bước. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 7. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>(2) 说明主要方面; (3) 说明次要方面.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>		<p>+ Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi mà giảng viên đưa ra.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Thuật lại nội dung bài khóa.</p> <p>+ Hai nhóm tiến hành thảo luận, thuyết trình chủ đề được giao. Đồng thời đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề bất đồng văn hóa.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 8 - 12</p>	
2	<p>第二课 父母与子女</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ, cụm từ và ngữ cố định trong bài như: 尤其、毕竟、究竟、二话不说、一言一行、A+也+A+不得, B+也+B+不得…、什么+名词+都, 什么…+名词+都…、说来说去都是(就是)…</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái trong xã hội hiện này.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề</p>	3 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, khám phá, nêu và giải quyết vấn đề, Giảng viên:</p> <p>+ Cung cấp nhưng tư liệu hình ảnh, video liên quan đến chủ đề bài khóa giờ lên lớp.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên phát âm và vận dụng từ, cụm từ mới để đặt câu.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với một số mẫu câu chính dùng trong bài khóa.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Giao bài tập hội thoại theo cặp, cá nhân.</p> <p>+ Thảo luận: hướng dẫn sinh viên lập dàn ý và làm bài mẫu theo chủ đề 父母与子女.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá bài thảo luận của sinh viên.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 13 - 22.</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	liên quan chủ đề trong bài. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习		+ Khám phá nội dung bài học thông qua hình ảnh, video. Đồng thời đưa ra những ví dụ cụ thể về mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái trong xã hội hiện tại. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Thuật lại nội dung bài khóa. + Tiến hành thảo luận, lập dàn ý và trình bày chủ đề mà giảng viên đã phân công. Nhận xét chéo giữa các nhóm và thành viên trong nhóm. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 22 - 26.	
3	第三课 让孩子吃苦 Mục tiêu bài: - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ cận nghĩa và cụm từ cố định trong bài như: 广泛、广阔、着实、实在、下马威、小皇帝、问都不问,... - Vận dụng mẫu câu trong bài để đặt câu đúng ngữ pháp, văn phong tiếng Trung Quốc như: 这(那)也不..., 那(这)不...、话(说)是这么说, 可(可是)...、无..., 有...、把...怎么样 - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. Giảng viên: + Cung cấp nhưng tư liệu hình ảnh, video liên quan đến chủ đề bài khóa giờ lên lớp. + Hướng dẫn sinh viên phát âm, viết từ và cụm từ, đặt câu theo cấu trúc trọng điểm trong bài. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Giao bài tập hội thoại theo cặp. Yêu cầu từng cặp xây dựng hội thoại có sử dụng một trong các ngạn ngữ sau: 一是光阴一寸金、百闻不如一	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	tiếng Trung - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài có trích dẫn ngôn ngữ, tục ngữ hoặc những câu danh ngôn của người nổi tiếng. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习		见、三人行必有我师 Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 27 - 35. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu đúng theo cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Thuật lại nội dung bài khóa. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 35 - 39. + SV tiến hành trình bày hội thoại theo cặp nhiệm vụ giảng viên đã giao. Đồng thời tiến hành nhận xét, đánh giá đan xen giữa các cặp.	
4	第四课 邻里的关系 Mục tiêu bài: - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ cố định trong bài, như: 故意、刻意、三番五次、一概而论、远近不如近邻 - Vận dụng các cấu trúc trọng điểm trong bài để đặt câu, xây dựng hội thoại hoặc đoạn văn ngắn như: A 有 A 的..., B 有 B 的...、一...而...、三...五... - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm, nêu và giải quyết vấn đề Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên luyện dùng tiếng Trung giải từ thích từ mới. + Luyện đọc bài khóa, dịch Trung - Việt - Trung các câu trọng điểm trong bài. + củng cố những cấu trúc trọng điểm trong bài. + Thiết kế hệ thống câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Phân nhóm, hướng dẫn các nhóm lập dàn ý và tiến hành thảo luận chủ đề: 邻居关系怎么样才算好?	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài theo ngữ khí nhấn mạnh, thu hút sự chú ý của người nghe.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>		<p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 55 - 62.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép.</p> <p>+ Phản xạ trả lời nhanh nhưng câu hỏi giảng viên đưa ra.</p> <p>+ Luyện đọc và dịch các câu trọng điểm trong bài.</p> <p>+ Các nhóm trình bày chủ đề được phân công. Đồng thời nhận xét đan xen giữa các nhóm.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 62 - 65.</p>	
5	<p>第五课 夫妻之间</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ mới trong bài như: 适当、恰当、小金库、喝西北风、自留地, ...</p> <p>- Vận dụng những cấu trúc khẩu ngữ thường dùng như: 各…各的、没什么…可言、东…西…, ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung</p> <p>- Kỹ năng tự thuật một câu chuyện theo tuần tự cụ thể: (1) 事情开始; (2) 事情的发展; (3) 事情的结果</p>	5 (3LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với cấu trúc trọng điểm.</p> <p>+ Nhận xét, kết luận bài thực hành của sinh viên.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 67 - 75.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa.</p> <p>+ Thuật lại nội dung bài khóa.</p> <p>+ Sử dụng các cấu trúc trọng điểm và phương pháp tự thuật thuật lại “自己的一段经历”.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p> <p>* Kiểm tra giữa kỳ</p>		<p>[1]: Trang 76 - 79. + Hoàn thành bài kiểm tra giữa kỳ.</p>	
6	<p>第六课 家庭服务员</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ trong bài như: 后来、以后、无所谓、直来直去, ... - Đặt câu theo cấu trúc ngữ pháp trọng điểm như: 把...放在眼里、A 也好(也罢), B 也好(也罢), ... - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>	3 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giao bài tập thuyết trình theo nhóm với ba chủ đề cho trước: (1) 人们一般把语言技能分为...; (2) 来这儿的学生学习目的主要有...; (3) 我们的娱乐方式有... + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Nhận xét và đánh giá kết quả tự học thông qua bài tập cá nhân và thuyết trình theo nhóm trên lớp. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 80 - 88. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Thuật lại nội dung bài khóa. + Vận dụng mẫu câu để đặt câu đúng văn phong tiếng Trung Quốc. + Thuyết trình chủ đề thảo luận theo nhóm. Đồng thời 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			tiến hành nhận xét đan xen giữa các nhóm. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 88 - 92.	
7	<p>第七课 烟与酒</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ mới trong bài như: 尤其、特别、忍受、忍耐、禁烟令、作为、半真半假, ... - Vận dụng cấu trúc ngữ pháp trọng điểm để đặt câu đúng văn phong tiếng Trung Quốc như: 不+V₁+不+V₁+也得+V...、多...多..., ... - Tóm tắt nội dung bài khóa bằng tiếng Trung Quốc. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习 	3 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giao bài tập cá nhân trước giờ lên lớp: Trình bày quan điểm “吸烟喝酒对身体不好” theo phương thức sau;劝酒风实际上是给几千年的中国酒文化添了一种俗气。 以...衡量... 以...显示... 以...说明... + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Nhận xét và đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu [1]: Trang 120 - 129. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Thuật lại nội dung bài khóa. + SV thực hiện và trình bày quan điểm của bản thân với chủ đề “吸烟喝酒对身体不好”. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 130 - 134. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
8	第八课 尊重生命	3 (3LT,	Thuyết trình, vấn đáp, đóng vai	CDR1.1, CDR1.2,

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và phát âm đúng phiên âm các từ và cụm từ mới như: 面对、面临、至于、郁郁葱葱、回心转意, ... - Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung. - Vận dụng cấu trúc câu trọng điểm trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài như: 再...也...、...、特别是...、除非...否则...、尤其...不如...,... <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习 	0TH)	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Hướng dẫn sinh viên đặt câu với cấu trúc trọng điểm. + Giao nhiệm vụ: Vào vai nhân vật “vợ Viên Bình” kể lại câu chuyện trong bài khóa. + Nhận xét và đánh giá. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 108 - 117. + Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Tóm tắt nội dung chính bài khóa. + Vào vai nhân vật “vợ Viên Bình” kể lại câu chuyện trong bài khóa. + Hoàn thành bài tập trong [1]: 145 - 151. 	CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
9	<p>第九课 让我们关注生活质量</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ trong bài như: 忽略、忽视、一回事、无从谈起、因人而异, ... - Tóm tắt được nội 	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa. + Hướng dẫn sinh viên đặt câu với cấu trúc trọng điểm. + Đưa ra bốn vấn đề yêu cầu 4 nhóm tiến hành đọc bài 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài với một số cấu trúc trọng điểm như: 就…而言、表面上…实际上…、以…为…, …</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>		<p>khóa, thu thập tư liệu và trình bày vấn đề.</p> <ol style="list-style-type: none"> 用实例说明什么样的生活是高质量的。你怎样评价自己的生活质量? 你认为应该怎样处理提高生活质量和保护生态环境的关系? 用自己的话概括说明北京城区居民生活质量的变化 利用网络查找资料, 介绍你所在的城市居民生活质量的变化。 <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 164 - 170.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Các nhóm đọc bài khóa, giải quyết và trình bày vấn đề đã được phân công.</p> <p>+ Đặt câu hỏi và nhận xét đánh giá đan xen giữa các nhóm.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 171 - 175.</p>	
10	<p>第十课 网络给我们带来了什么</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ và cụm từ trong bài như: 亲密、密切、意味着、只有职业, …</p>	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đặt câu với cấu trúc trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập thuyết trình cá</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2,</p>

Bài	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Vận dụng cấu trúc thường dùng trong khẩu ngữ để đặt câu như: 不再...而是、靠...吃饭、...不在话下, ...</p> <p>- Tóm tắt được nội dung bài khóa bằng tiếng Trung.</p> <p>- Có kỹ năng thảo luận nhóm, tự tin đứng trước đám đông trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề liên quan chủ đề trong bài.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>		<p>nhân với chủ đề “网络给我们带来的好处和坏处”</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 177 - 184.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Tóm tắt nội dung chính bài khóa</p> <p>+ Thuật lại nội dung bài khóa.</p> <p>+ Trình bày chủ đề thuyết trình, tự đánh giá.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 185 - 188.</p>	CĐR3.3.

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa